

KẾT QUẢ ĐO LIỀU CÁ NHÂN

Đơn vị tiến hành công việc bức xạ: Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam

Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương

Loại liều kế: LiF

Thiết bị đo liều: TLD Reader (Rados Re2000)

Loại nguồn tiếp xúc: Tia X

Khoảng thời gian đo: từ tháng 12/2017 - 02/2018

Danh sách nhân viên bức xạ được theo dõi liều xạ cá nhân:

| TT | Họ và tên nhân viên/ Vị trí đặt liều kế | Mã số liều kế | Hp(10) (mSv) | Hp(0.07) (mSv) | Hp(3) (mSv) | Liều hiệu dụng (mSv) | Ghi chú |
|----|--|------------------|-----------------|---|----------------|----------------------------|---------|
| 1 | Hồ Trọng Nghĩa | 70042 | 0.067 | - | - | - | x |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 70043 | 0.064 | - | - | - | x |
| 3 | Phan Thị Thúy Huyền | 70044 | 0.064 | - | - | - | x |
| 4 | Lê Thị Chúc Linh | 70045 | 0.036 | - | - | - | x |
| 5 | Nguyễn Minh Điền | 70046 | 0.051 | - | - | - | x |
| 6 | Nguyễn Văn Phong | 70047 | 0.050 | - | - | - | x |
| 7 | Lê Anh Tú | 70048 | 0.063 | Chưa sử dụng LKCN lần nào, resign dated: 31/01/2018 | | | |

Ghi chú:

- Hp(3) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 3 mm.
- Hp(0.07) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 0.07 mm.
- Hp(10) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 10 mm.
- (x) trường hợp có giá trị nhỏ hơn 0,1 mSv.
- (*) trong trường hợp giá trị vượt $\frac{1}{4}$ giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- (**) trong trường hợp giá trị vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- Kết quả thu được ở trên là giá trị thực sau khi đã trừ phông bức xạ tự nhiên.
- Vì đơn vị chỉ mới sử dụng liều kế Hp(10) nên việc đánh giá liều bức xạ nhân viên chỉ dựa trên giá trị đo của loại liều kế này.

Kết luận:

Kết quả cho thấy liều bức xạ nghề nghiệp của các nhân viên của đơn vị trong quý I/2018 đều nằm trong mức giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ theo thông tư 19/2012/TT-BKHCN.

Khuyến cáo:

- Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách được hướng dẫn.
- Gửi đọc kết quả liều kế cá nhân theo đúng thời hạn quy định (03 tháng/lần).

CÁN BỘ ĐO LIỀU

Nguyễn Thị Ngọc Huệ

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2018

P. Giám Đốc



Nguyễn Văn Mai

Biên Bản Bàn Giao Liều Kế Cá Nhân

Ngày 27 Tháng 02 Năm 2018
Đo liều kế bức xạ định kỳ 3 tháng
Đo lần 1

| STT | Mã số liều kế | Họ tên nhân viên sử dụng | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------|-----------------------------|----------|---------|
| 1 | 70042 | Hồ Trọng Nghĩa | 7 | |
| 2 | 70043 | Nguyễn Thị Thanh Trà | | |
| 3 | 70044 | Phan Thị Thúy Huyền | | |
| 4 | 70045 | Lê Thị Chúc Linh | | |
| 5 | 70046 | Nguyễn Minh Điền | | |
| 6 | 70047 | Nguyễn Văn Phong | | |
| 7 | 70048 | Lê Anh Tú | | |

Người bàn giao



Công ty Fujikura Fiber Optics Việt Nam.

Người nhận



Trung tâm hạt nhân TP.HCM.

KẾT QUẢ ĐO LIỀU CÁ NHÂN

Đơn vị tiến hành công việc bức xạ: **Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam**

Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương

Loại liều kế: LiF

Thiết bị đo liều: TLD Reader (Rados Re2000)

Loại nguồn tiếp xúc: Tia X

Khoảng thời gian đo: từ tháng 12/2017 - 02/2018

Danh sách nhân viên bức xạ được theo dõi liều xạ cá nhân:

| TT | Họ và tên nhân viên/ Vị trí đặt liều kế | Mã số liều kế | Hp(10) (mSv) | Hp(0.07) (mSv) | Hp(3) (mSv) | Liều hiệu dụng (mSv) | Ghi chú |
|----|--|------------------|-----------------|---|----------------|----------------------------|---------|
| 1 | Lê Duy Song Toàn | 5715 | 0.315 | Chưa sử dụng LKCN lần nào, resign dated: 31/01/2018 | | | |
| 2 | Nguyễn Thành Chiêu | 5724 | 0.032 | - | - | - | X |
| 3 | Liều kế phòng | 5725 | 0.088 | - | - | - | X |
| 4 | Nguyễn Thị Mai | 5726 | 0.047 | - | - | - | X |
| 5 | Nguyễn Trường Khang | 5727 | 0.050 | - | - | - | X |
| 6 | Trần Văn Thắng | 5728 | 0.042 | - | - | - | X |
| 7 | Lê Mỹ Thiện | 7001 | 0.075 | - | - | - | X |
| 8 | Trần Văn Phong | 7002 | 0.029 | - | - | - | X |
| 9 | Hồ Hữu Cường | 7003 | 0.054 | - | - | - | X |
| 10 | Hồ Thị Bé | 7004 | 0.025 | - | - | - | X |

Ghi chú:

- Hp(3) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 3 mm.
- Hp(0.07) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 0.07 mm.
- Hp(10) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 10 mm.
- (x) trường hợp có giá trị nhỏ hơn 0,1 mSv.
- (*) trong trường hợp giá trị vượt $\frac{1}{4}$ giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- (**) trong trường hợp giá trị vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- Kết quả thu được ở trên là giá trị thực sau khi đã trừ phông bức xạ tự nhiên.
- Vì đơn vị chỉ mới sử dụng liều kế Hp(10) nên việc đánh giá liều bức xạ nhân viên chỉ dựa trên giá trị đo của loại liều kế này.

Kết luận:

Kết quả cho thấy liều bức xạ nghề nghiệp của các nhân viên của đơn vị trong quý I/2018 đều nằm trong mức giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ theo thông tư 19/2012/TT-BKHCN.

Khuyến cáo:

- Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách được hướng dẫn.
- Gửi đọc kết quả liều kế cá nhân theo đúng thời hạn quy định (03 tháng/lần).

CÁN BỘ ĐO LIỀU

Nguyễn Thị Ngọc Huệ

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2018

P. Giám Đốc

Nguyễn Văn Mai

KẾT QUẢ ĐO LIỀU CÁ NHÂN

Đơn vị tiến hành công việc bức xạ: **Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam**

Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương

Loại liều kế: LiF

Thiết bị đo liều: TLD Reader (Rados Re2000)

Loại nguồn tiếp xúc: Tia X

Khoảng thời gian đo: từ tháng 3 - 5/2018

Danh sách nhân viên bức xạ được theo dõi liều xạ cá nhân:

| TT | Họ và tên nhân viên/ Vị trí đặt liều kế | Mã số liều kế | Hp(10) (mSv) | Hp(0.07) (mSv) | Hp(3) (mSv) | Liều hiệu dụng (mSv) | Ghi chú |
|----|--|------------------|-----------------|-------------------|----------------|----------------------------|---------|
| 1 | Lê Duy Song Toàn | 5715 | 0.093 | - | - | - | x |
| 2 | Nguyễn Thành Chiêu | 5724 | 0.067 | - | - | - | x |
| 3 | Liều kế phòng | 5725 | 0.085 | - | - | - | x |
| 4 | Nguyễn Thị Mai | 5726 | 0.060 | - | - | - | x |
| 5 | Nguyễn Trường Khang | 5727 | 0.035 | - | - | - | x |
| 6 | Trần Văn Thắng | 5728 | 0.038 | - | - | - | x |
| 7 | Lê Mỹ Thiện | 7001 | 0.091 | - | - | - | x |
| 8 | Trần Văn Phong | 7002 | 0.051 | - | - | - | x |
| 9 | Hồ Hữu Cường | 7003 | 0.028 | - | - | - | x |
| 10 | Hồ Thị Bé | 7004 | 0.032 | - | - | - | x |
| 11 | Hồ Trọng Nghĩa | 70042 | 0.039 | - | - | - | x |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 70043 | 0.042 | - | - | - | x |
| 13 | Phan Thị Thúy Huyền | 70044 | 0.537 | - | - | - | |
| 14 | Lê Thị Chúc Linh | 70045 | 0.902 | - | - | - | |
| 15 | Nguyễn Minh Điền | 70046 | 0.031 | - | - | - | x |
| 16 | Nguyễn Văn Phong | 70047 | 0.047 | - | - | - | x |
| 17 | Lê Anh Tú | 70048 | 0.046 | - | - | - | x |

Ghi chú:

- Hp(3) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 3 mm.
- Hp(0.07) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 0.07 mm.
- Hp(10) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 10 mm.
- (x) trường hợp có giá trị nhỏ hơn 0,1 mSv.
- (*) trong trường hợp giá trị vượt $\frac{1}{4}$ giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- (**) trong trường hợp giá trị vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- Kết quả thu được ở trên là giá trị thực sau khi đã trừ phong bức xạ tự nhiên.
- Vì đơn vị chỉ mới sử dụng liều kế Hp(10) nên việc đánh giá liều bức xạ nhân viên chỉ dựa trên giá trị đo của loại liều kế này.

Kết luận:

Kết quả cho thấy liều bức xạ nghề nghiệp của các nhân viên của đơn vị trong quý II/2018 đều nằm trong mức giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ theo thông tư 19/2012/TT-BKHCN.

Khuyến cáo:

- Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách được hướng dẫn.
- Liều kế nhân viên mã số 70044 và 70045 có giá trị đọc liều khá cao so với các quý trước, nhân viên bức xạ cần kiểm tra quá trình làm việc của mình và vị trí đặt liều kế khi nhân viên không làm việc.
- Gửi đọc kết quả liều kế cá nhân theo đúng thời hạn quy định (03 tháng/lần).

CÁN BỘ ĐO LIỀU



Nguyễn Thị Ngọc Huệ

TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2018

P. Giám Đốc



Nguyễn Văn Mai

KẾT QUẢ ĐO LIỀU CÁ NHÂN

Đơn vị tiến hành công việc bức xạ: Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam
Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Loại liều kế: LiF

Thiết bị đo liều: TLD Reader (Rados Re2000)

Loại nguồn tiếp xúc: Tia X

Khoảng thời gian đo: từ tháng 06 – 08/2018

Danh sách nhân viên bức xạ được theo dõi liều xạ cá nhân:

| TT | Họ và tên nhân viên/ Vị trí đặt liều kế | Mã số liều kế | Hp(10) (mSv) | Hp(0.07) (mSv) | Hp(3) (mSv) | Liều hiệu dụng (mSv) | Ghi chú |
|----|--|------------------|-----------------|-------------------|----------------|-------------------------|------------|
| 01 | Liều kế phòng | 5725 | 0.127 | - | - | - | |
| 02 | Nguyễn Trường Khang | 5727 | 0.155 | - | - | - | |
| 03 | Trần Văn Phong | 7002 | 0.202 | - | - | - | |
| 04 | Lê Duy Song Toàn | 7001 | 0.214 | - | - | - | |
| 05 | Lê Mỹ Thiện | 5724 | 0.168 | - | - | - | |
| 06 | Nguyễn Thành Chiêu | 7004 | 0.204 | - | - | - | |
| 07 | Hồ Thị Bé | 5728 | 0.231 | - | - | - | |
| 08 | Trần Văn Thắng | 5726 | 0.199 | - | - | - | |
| 09 | Nguyễn Thị Mai | 7003 | 0.197 | - | - | - | |
| 10 | Hồ Hữu Cường | 5715 | 0.225 | - | - | - | |
| 11 | Hồ Trọng Nghĩa | 70042 | 0.165 | - | - | - | |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 70043 | 0.176 | - | - | - | |
| 13 | Phan Thị Thúy Huyền | 70044 | 0.276 | - | - | - | |
| 14 | Lê Thị Chúc Linh | 70045 | 0.103 | - | - | - | |
| 15 | Nguyễn Minh Điền | 70046 | 0.138 | - | - | - | |
| 16 | Nguyễn Văn Phong | 70047 | 0.156 | - | - | - | |
| 17 | Lê Anh Tú | 70048 | 0.154 | - | - | - | |

Ghi chú:

- Hp(3) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 3 mm.
- Hp(0.07) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 0.07 mm.
- Hp(10) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 10 mm.
- (X) trường hợp có giá trị nhỏ hơn 0,1 mSv.
- (*) trong trường hợp giá trị vượt $\frac{1}{4}$ giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- (**) trong trường hợp giá trị vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- Kết quả thu được ở trên là giá trị thực sau khi đã trừ phông bức xạ tự nhiên.
- Vì đơn vị chỉ mới sử dụng liều kế Hp(10) nên việc đánh giá liều bức xạ nhân viên chỉ dựa trên giá trị đo của loại liều kế này.



Kết luận:


Kết quả cho thấy liều bức xạ nghề nghiệp của các nhân viên tại đơn vị trong quý II/2018 đều nằm trong mức giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ theo thông tư 19/2012/TT-BKHCN.

Khuyến cáo:

- Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách được hướng dẫn.
- Gửi đọc kết quả liều kế cá nhân theo đúng thời hạn quy định (03 tháng/lần).

TP.HCM, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**CÁN BỘ
PHỤ TRÁCH**


Nguyễn Thị Ngọc Huệ

**TRƯỞNG PHÒNG
ATBX&MT**


Nguyễn Văn Mai

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**


Hồ Mạnh Dũng





KẾT QUẢ ĐO LIỀU CÁ NHÂN

Đơn vị tiến hành công việc bức xạ: **Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam**

Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, KCN VSIP, TX, Thuận An, T. Bình Dương

Loại liều kế: LiF

Thiết bị đo liều: TLD Reader (Rados Re2000)

Loại nguồn tiếp xúc: Tia X

Khoảng thời gian đo: từ tháng 09 – 11/2018

Danh sách nhân viên bức xạ được theo dõi liều xạ cá nhân:

| TT | Họ và tên nhân viên/ Vị trí đặt liều kế | Mã số liều kế | Hp(10) (mSv) | Hp(0.07) (mSv) | Hp(3) (mSv) | Liều hiệu dụng (mSv) | Ghi chú |
|----|--|------------------|-----------------|-------------------|----------------|-------------------------|------------|
| 01 | Liều kế phong | 5725 | 0.186 | - | - | - | |
| 02 | Nguyễn Trường Khang | 5727 | 0.217 | - | - | - | |
| 03 | Trần Văn Phong | 7002 | 0.205 | - | - | - | |
| 04 | Đỗ Văn Hưởng | 5715 | 0.212 | - | - | - | |
| 05 | Liều kế trống (NV nghỉ việc) | 7001 | 0.173 | - | - | - | |
| 06 | Nguyễn Thành Chiêu | 5724 | 0.193 | - | - | - | |
| 07 | Hồ Thị Bé | 7004 | 0.252 | - | - | - | |
| 08 | Trần Văn Thắng | 5728 | 0.208 | - | - | - | |
| 09 | Nguyễn Thị Mai | 5726 | 0.228 | - | - | - | |
| 10 | Hồ Hữu Cường | 7003 | 0.251 | - | - | - | |
| 11 | Hồ Trọng Nghĩa | 70042 | 0.21 | - | - | - | |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Trà | 70043 | 0.299 | - | - | - | |
| 13 | Phan Thị Thúy Huyền | 70044 | 0.162 | - | - | - | |
| 14 | Lê Thị Chúc Linh | 70045 | 0.103 | - | - | - | |
| 15 | Nguyễn Minh Điền | 70046 | 0.194 | - | - | - | |
| 16 | Nguyễn Văn Phong | 70047 | 0.171 | - | - | - | |
| 17 | Nguyễn Văn Tập | 70048 | 0.154 | - | - | - | |
| 18 | Huỳnh Tấn Phát | 8187 | 0.118 | - | - | - | |
| 19 | Lê Thị Đạt | 8185 | 0.188 | - | - | - | |
| 20 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 8182 | 0.179 | - | - | - | |
| 21 | Nguyễn Thị Tuyết Hoa | 8181 | 0.204 | - | - | - | |
| 22 | Trần Thị Cẩm Vân | 8180 | 0.182 | - | - | - | |
| 23 | Võ Trường Giang | 8183 | 0.183 | - | - | - | |
| 24 | Ngô Văn Vân | 8186 | 0.156 | - | - | - | |
| 25 | Đào Thị Thanh Bình | 8184 | 0.216 | - | - | - | |

Ghi chú:

- Hp(3) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 3 mm.
- Hp(0.07) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 0.07 mm.
- Hp(10) là tương đương liều cá nhân ở độ sâu dưới da 10 mm.

- (X) trường hợp có giá trị nhỏ hơn 0,1 mSv.
- (*) trong trường hợp giá trị vượt $\frac{1}{4}$ giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- (**) trong trường hợp giá trị vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp.
- Kết quả thu được ở trên là giá trị thực sau khi đã trừ phòng bức xạ tự nhiên.
- Vì đơn vị chỉ mới sử dụng liều kế Hp(10) nên việc đánh giá liều bức xạ nhân viên chỉ dựa trên giá trị đo của loại liều kế này.

Kết luận:

Kết quả cho thấy liều bức xạ nghề nghiệp của các nhân viên tại đơn vị trong quý III/2018 đều nằm trong mức giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ theo thông tư 19/2012/TT-BKHCN.

Khuyến cáo:

- Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách được hướng dẫn.
- Gửi đọc kết quả liều kế cá nhân theo đúng thời hạn quy định (03 tháng/lần).

TP.HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2018

**CÁN BỘ PHỤ TRÁCH
ĐỌC LIỀU**



Nguyễn Thị Ngọc Huệ

**TRƯỞNG PHÒNG
ATBX&MT**



Nguyễn Văn Mai

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**



Hồ Mạnh Dũng